TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 313/2025/HS-PT
Ngày: 18/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn S1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BN.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

Nguyễn Văn S1, sinh năm 1953; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B1 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ1 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1976, con nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; vắng mặt, có đơn xin rút kháng cáo.

** Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V1:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN; có mặt.

- Ông Trần Đình T3, sinh năm 1948; địa chỉ: TC, LT, BN; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Bà Trần Thị G1, sinh năm 1961; trú tại: Thôn CH, TK, LT, tỉnh BN; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G1: Ông Nguyễn Đình D1; địa chỉ: Khu phố VD, BL, thị xã QV, tỉnh BN; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010 đến 2011, lợi dụng công tác "Dồn điền đổi thửa" trên địa bàn thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN, Nguyễn Văn S1 - Trưởng thôn ĐH cùng với lãnh đạo thôn và tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" thôn ĐH đã bàn bạc và thống nhất vẽ sơ đồ phân lô các thửa đất tại khu đồng C và đồng S thuộc thôn ĐH để bán, giao thầu và thu tiền của các hộ dân trái quy định của pháp luật, cụ thể:

Ngày 09/10/2008, Tỉnh ủy BN ra Chương trình hành động số 53/CTr/TU về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII, Ban chấp hành TW Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Ngày 21/10/2009, UBND tỉnh BN ra Quyết định số 162/2009/QĐ-UBND v/v Phê duyệt Đề án "Dồn điền đổi thửa" trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009 - 2011 (*viết tắt là Đề án 162*)

Thực hiện Đề án 162, ngày 03/11/2009, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (viết tắt là BCĐ) "Dồn điền đổi thửa" tỉnh BN, Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh BN ký, ban hành Hướng dẫn số 03 ngày 03/11/2009 về thực hiện công tác "dồn điền đổi thửa" đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh BN giai đoạn năm 2009 - 2011, nội dung cơ bản như sau:

"1. Yêu cầu: Tất cả các huyện, thành phố, thị xã, các xã, thị trấn phải thực hiện nghiêm túc Quyết định 162… để sau khi "dồn điền đổi thửa", mỗi hộ nông dân chỉ còn 1 - 3 thửa ruộng, mỗi thửa ruộng có diện tích tối thiểu bằng một nhân khẩu hoặc 01 định suất đã giao ổn định lâu dài thời điểm năm 1992 - 1993;

2. Nguyên tắc: Giữ nguyên nhân khẩu hoặc định suất đã giao ổn định lâu dài thời điểm năm 1992 - 1993, sinh không thêm, chết không giảm, số khẩu tăng không giao… UBND cấp huyện, cấp xã, các thôn, HTX phải xây dựng kế hoạch, lập phương án "Dồn điền đổi thửa"…; Đối với những vùng khu vực đã quy hoạch phát triển công nghiệp, đô thị, xây dựng công trình công cộng phục vụ lợi ích quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không thực hiện "dồn điền đổi thửa" trong giai đoạn này và các năm tiếp theo…

3. Trình tự, các bước tiến hành: UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện "Dồn điền đổi thửa". Kế hoạch phải đảm bảo các nội dung, yêu cầu, nguyên tắc Đề án và hướng dẫn của tỉnh, phù hợp với tình hình địa phương mình; UBND cấp xã, các thôn, các Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp phải xây dựng kế hoạch, lập phương án "Dồn điền đổi thửa"; tổ chức thực hiện phương án đảm bảo được mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, thời gian như kế hoạch của huyện đã đề ra…

4. Thành lập BCĐ "Dồn điền đổi thửa" ở các cấp…BCĐ cấp huyện do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, các thành viên gồm các ngành: Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính… BCĐ huyện trưng tập cán bộ giúp việc trong quá trình thực hiện.

5. BCĐ cấp xã do Chủ tịch UBND làm Trưởng ban, các thành viên, gồm: Cán bộ địa chính, Thống kê, Thuế, Chủ tịch Hội Nông dân, Trưởng thôn, Chủ nhiệm HTX, Trưởng ban Văn hóa. Đề nghị Bí thư Đảng ủy và một số trưởng đoàn thể khác trong xã tham gia BCĐ.

6. Mỗi thôn hoặc HTX (đơn vị thực hiện chuyển đổi) thành lập BCĐ để tổ chức thực hiện, do Trưởng thôn hoặc Chủ nhiệm HTX, (hoặc Bí thư chi bộ) làm Trưởng ban, các Phó ban là Phó Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn, thành viên gồm các đoàn thể và một số nông dân am hiểu về ruộng đất. Các đơn vị thực hiện chuyển đổi thành lập 03 tổ giúp việc BCĐ gồm có: Tổ thông tin, tuyên truyền vận động; Tổ quy hoạch thiết kế lại đồng ruộng, phân hạng đất và ghép nhóm đổi ruộng, chia ruộng ngoài thực địa; Tổ kiểm kê, tổng hợp số hộ, số nhân khẩu, diện tích trong thời điểm giao ruộng trước đây…

7. Bổ sung hoặc xây dựng mới các quy hoạch: Trong quá trình thực hiện "dồn điền đổi thửa", cần tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch hoặc xây dựng mới các quy hoạch đối với từng đơn vị xã, thôn:

+ Quy hoạch sản xuất nông nghiệp: Phân ra từng vùng (vùng 2 lúa; 2 màu - 1 lúa, chuyên màu, chuyên rau, vùng lúa - cá, vùng chuyên cá…).

+ Quy hoạch xây dựng công trình công cộng, đất ở, khu dân cư;

+ Quy hoạch giao thông, thủy lợi kết hợp với cải tạo đồng ruộng;

+ Quy hoạch quỹ đất công ích, dự phòng để tập trung từ 1 - 2 khu;

Các quỹ đất quy hoạch hoặc xây dựng mới nêu trên phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chi tiết của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt".

- Kinh phí thực hiện "dồn điền đổi thửa" theo Đề án 162: Theo Nghị quyết số 158/2010/NQ-HĐND ngày 06/05/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh BN v/v quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho công tác "Dồn điền đổi thửa" giai đoạn năm 2009 - 2011 trên địa bàn tỉnh BN, cụ thể như sau: "Đối tượng và điều kiện được hỗ trợ: *UBND các xã có thôn, HTX thực hiện công tác "dồn điền đổi thửa" theo phương án được UBND cấp huyện phê duyệt*; việc tu bổ giao thông thủy lợi nội đồng có dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ, gồm: 50% kinh phí để thực hiện công tác đầu tư xây dựng giao thông, thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng bờ vùng, bờ thửa theo giá trị quyết toán của thiết kế dự toán công trình. *Mức không quá 3.000.000đ/1ha chuyển đổi*; 100% kinh phí cho việc: Hội họp; xây dựng kế hoạch, thông qua phương án; quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, giao thông - thủy lợi nội đồng; quy hoạch các quỹ đất khác thành vùng, khu tập trung; chi phí để học tập, tập huấn nghiệp vụ, văn phòng

phẩm cần thiết phục vụ cho công tác "dồn điền đổi thửa". Mức không quá 500.000đ/1ha chuyển đổi, trong đó xã 20%, thôn 80%".

Ngày 18/8/2010, UBND huyện LT ban hành Kế hoạch số 09 về việc quán triệt, triển khai và thực hiện công tác "dồn điền đổi thửa"; ngày 09/9/2010, ông Đặng Đình T4, Chủ tịch UBND huyện LT ký Quyết định số: 814 v/v Thành lập BCĐ "dồn điền đổi thửa" của huyện, gồm 19 thành viên, ông Phạm Văn T5 - Phó chủ tịch huyện, làm Trưởng ban; ông Nguyễn Trọng Đ2 - Chủ tịch thị trấn T, làm Thành viên. Ngày 14/9/2010, ông T5 ký Quyết định số 831 v/v trưng tập cán bộ giúp việc BCĐ "dồn điền đổi thửa" huyện, gồm 19 thành viên là các Cán bộ phòng Tài nguyên & Môi trường, Phòng công thương và cán bộ địa chính các xã làm tổ viên.

Ngày 14/9/2010, BCĐ huyện LT, triệu tập thành phần huyện, Chủ tịch các xã, trưởng các thôn triển khai kế hoạch "dồn điền đổi thửa". Ngày 22/09/2010 ông T5 ký Thông báo số 250 v/v phân công nhiệm vụ các thành viên BCĐ, tổ giúp việc huyện, cụ thể: "Các ông Chủ tịch các xã, thị trấn phụ trách chỉ đạo địa phương, đơn vị mình. Các thành viên BCĐ cấp huyện, cán bộ giúp việc BCĐ đã được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm thường xuyên, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã phụ trách, tổng hợp báo cáo BCĐ theo kế hoạch".

Ngày 27/8/2010, ông Nguyễn Trọng Đ2 - Chủ tịch UBND thị trấn T, ký Quyết định số 61/QĐ v/v kiện toàn BCĐ Quy hoạch nông nghiệp và "dồn điền đổi thửa" thị trấn T (viết tắt là BCĐ "Dồn điền đổi thửa") gồm 13 thành viên, mời 4 ông/bà tham gia BCĐ, đồng thời ký Kế hoạch số 18 cùng ngày, để thực hiện công tác "Dồn điền đổi thửa" trên địa bàn, nội dung Kế hoạch số 18, theo tinh thần của Hướng dẫn số 03, Kế hoạch 09 của UBND huyện LT đã xây dựng, cụ thể như sau:

"*** Yêu cầu**:

+ Quy hoạch lập dự án xây dựng hệ thống giao thông, đảm bảo xe cơ giới đi lại phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi phải đồng bộ, đảm bảo chủ động tưới tiêu nước;

+ Quy hoạch các vùng chuyên trồng lúa nước, vùng chuyên trồng cây mầu;

- Quy hoạch các vùng đất nông nghiệp cho quỹ đất công ích riêng biệt;

- Quy hoạch các vùng đất phát triển kinh tế - xã hội như: Y tế, giáo dục… phát triển công nghiệp, trụ sở nhà văn hóa, cơ quan, khu dân cư… cho các năm tiếp theo.

- Các vùng đất quy hoạch phải phù hợp với qui hoạch của tỉnh, huyện, thị trấn.

- Trên cơ sở quy hoạch, lập phương án giao ruộng đến từng hộ, mỗi hộ tối đa được giao không quá 3 thửa ruộng.

- Khi xây dựng phương án "dồn điền đổi thửa" phải được Chi bộ bàn ra Nghị quyết, phải được thông qua Hội nghị họp nhân dân.

- Duyệt phương án "dồn điền đổi thửa" xong, mới được giao ruộng.

- Công khai phương án được duyệt.

- Sau khi giao ruộng xong, phải báo cáo kết quả thực hiện phương án với UBND thị trấn, có ý kiến của BCĐ 'dồn điền đổi thửa" thị trấn; UBND thị trấn báo cáo kết quả về UBND huyện.

*** Tổ chức thực hiện**:

- BCĐ thị trấn do Chủ tịch UBND thị trấn làm Trưởng ban; các thành viên gồm: Cán bộ địa chính; Tài chính; Hội nông dân; Văn hóa xã; các Trưởng thôn, Chủ nhiệm HTX, Bí thư Chi bộ và một số Trưởng Đoàn thể khác của thị trấn cùng tham gia BCĐ;

- Ở thôn thành lập Tiểu ban chỉ đạo, để tổ chức thực hiện, thành phần gồm: Trưởng thôn hoặc Chủ nhiệm HTX làm trưởng ban, phó ban là Bí thư Chi bộ, các đoàn thể và nông dân am hiểu về ruộng đất ở từng thôn cùng tham gia. Các Tiểu ban chỉ đạo được thành lập các nhóm chuyên môn giúp việc, gồm: Nhóm thông tin tuyên truyền; nhóm kiểm kê số hộ, khẩu, diện tích; nhóm quy hoạch xây dựng, thiết kế lập phương án đổi ruộng và giao đất ngoài thực địa.

*** Phân công nhiệm vụ**, trong đó: Các đ/c Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Chủ nhiệm HTX các thôn tập trung chỉ đạo thôn mình thực hiện".

Ngày 28/8/2010, BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn T họp và phân công nhiệm vụ tới từng thành viên. Trên cơ sở kết quả họp, ông Nguyễn Trọng Đ2 - Chủ tịch UBND thị trấn T, Trưởng BCĐ ký Thông báo số 08 ngày 07/9/2010 v/v phân công trách nhiệm cho từng thành viên, nội dung cụ thể như sau:

"1. Ông Nguyễn Trọng Đ2, Trưởng ban, chỉ đạo phụ trách chung;

2. Ông Phạm Xuân A1, Phó ban chỉ đạo, phụ trách thôn KĐ;

3. Ông Phạm Ngọc H1, cán bộ địa chính thị trấn, Phó ban chỉ đạo thường trực, giúp các thôn xây dựng phương án quy hoạch đồng ruộng, phương án giao ruộng, cung cấp bản đồ nền, công tác quản lý đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chỉnh lý điều chỉnh bổ sung địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉnh lý và điều chỉnh hồ sơ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và thực hiện 1 số công việc khác do BCĐ phân công;

4. Ông **Hoàng Văn T6**, cán bộ tài chính, kế toán thị trấn, ủy viên BCĐ có trách nhiệm bố trí, quản lý, theo dõi việc sử dụng kinh phí cho BCĐ hoạt động, kinh phí hỗ trợ cho các thôn đã quy hoạch "dồn điền đổi thửa" thành công giai đoạn năm 2009 - 2011, phụ trách thôn ĐH;

.....

11. Các ông Trưởng thôn, Chủ nhiệm Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, Thành viên BCĐ ở thôn nào trực tiếp chỉ đạo, thực hiện công tác "dồn điền đổi thửa" của thôn mình;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, các thành viên BCĐ tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các thôn thực hiện tốt nhiệm vụ "dồn điền đổi thửa" thường xuyên báo cáo kết quả về… thường trực BCĐ thị trấn T… ".

Căn cứ Kế hoạch 18 của Ban chỉ đạo "dồn điền đổi thửa" thị trấn, yêu cầu: *Khi xây dựng phương án "dồn điền đổi thửa" phải được Chi bộ bàn, ra Nghị quyết.* Tại Đại hội Đảng bộ thị trấn T, nhiệm kỳ năm 2010 - 2015 (*tháng 05/2010*) bầu Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn T và được Ban Thường vụ Huyện ủy LT ra Quyết định v/v chuẩn y kết quả bầu.

Căn cứ Thông báo số 02 ngày 25/6/2010 của Đảng ủy thị trấn T, Hoàng Văn T6 được phân công phụ trách Chi bộ thôn ĐH và được thông báo đến các Chi bộ, toàn Đảng bộ thị trấn T.

Như vậy, đối với BCĐ thị trấn T, Hoàng Văn T6 được giao phụ trách công tác "Dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH; về tổ chức Đảng, Hoàng Văn T6 được giao phụ trách Chi bộ ĐH trong công tác lãnh đạo thực hiện "dồn điền đổi thửa" theo tinh thần Đề án 162 của tỉnh.

Sau khi thị trấn T triển khai công tác "dồn điền đổi thửa", các thôn đã tiến hành triển khai tại cơ sở của mình; đối với thôn ĐH trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án 162 do Nguyễn Văn S1 – Trưởng thôn và Nguyễn Văn D2 - Bí thư Chi bộ.

Ngày 06/11/2009, S1 và D2 triệu tập họp Quân - Dân - Chính dưới sự chủ trì của D2, thông báo, triển khai Đề án 162 và bàn một số công việc liên quan đến "dồn điền đổi thửa".

Ngày 10/11/2009, tiếp tục tổ chức họp dân, dưới sự chủ trì của S1, triển khai thực hiện Đề án 162 tới toàn thể nhân dân. Tại Hội nghị, 100% xã viên nhất trí thực hiện "dồn điền đổi thửa" theo Đề án 162 của tỉnh.

Ngày 23/11/2009, S1 và D1 tiếp tục tổ chức họp dân, dưới sự chủ trì của S1, triển khai thực hiện Đề án 162 và dự trù thành viên Tiểu ban, bầu ra tổ dân cử tham gia Tiểu ban "dồn điền đổi thửa" cơ sở ĐH.

Tại cuộc họp Chi bộ định kỳ ngày 03/12/2009, D2 kết luận: Chuẩn bị cho công tác "dồn điền đổi thửa"; đề nghị trên cho thôn ĐH quy hoạch giãn dân khu đồng C.

Ngày 05/12/2009, S1 và D2 tổ chức họp quân dân chính, dưới sự chủ trì của D2. Hội nghị đã: Thông qua Nghị quyết quy hoạch đề nghị khu đồng C giãn dân. Thành lập Tiểu ban, thông qua danh sách và phân công trưởng, phó Tiểu ban.

Ngày 25/12/2009, S1 và D2 tiếp tục tổ chức họp dân, dưới sự chủ trì của D2 thực hiện Đề án 162. Tại Hội nghị D2, thông báo: Toàn bộ hồ sơ nền bản đồ: Cắt bờ vùng, bờ thửa toàn bộ các khu đồng ĐH, dự kiến phương án chia ruộng. Trình bày dự kiến quy hoạch giãn dân khu đồng C… 100% xã viên nhất trí.

Ngày 18/5/2010, S1 chủ trì, tổ chức họp, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 162. Hội nghị bầu bổ sung và chốt lại danh sách tổ dân cử có 07 ông/bà, gồm:

Nguyễn Văn H2; Nguyễn Đức S2; Nguyễn Văn D3; Nguyễn Văn T7; Nguyễn Tiến L1; Nguyễn Đức X1; Nguyễn Xuân L2.

Ngày 23/6/2010, S1 chủ trì, tổ chức họp các thành viên dự kiến Tiểu ban, cuộc họp đi đến thống nhất: Dự kiến phân công trưởng phó Tiểu ban, nhiệm vụ các thành viên Tiểu ban, cụ thể: S1, trưởng thôn/trưởng Tiểu ban; D2, Bí thư Chi bộ/phó Tiểu ban; trưởng các ban ngành ủy viên, cùng 7 ông/bà do dân cử ủy viên (giao ông H2, tổ trưởng tổ dân cử). Công việc "dồn điền đổi thửa": Thông qua quy định giãn dân cho dân biết; thông báo thành viên Tiểu ban trên loa phát thanh của thôn khi có Quyết định chính thức của UBND thị trấn T;

Ngày 29/6/2010 và ngày 14/9/2010, S1 và D2 tổ chức họp Tiểu ban, dưới sự chủ trì của S1, bàn một số công việc liên quan đến "dồn điền đổi thửa" và giãn dân: Thông qua quy hoạch khu giãn dân; tính diện tích khu giãn dân để dự tính chia cho định suất; dự kiến phương án, 03 phiếu, kế hoạch gửi về UBND thị trấn T; *giao thầu khu đồng S*; phân công nhiệm vụ từng thành viên Tiểu ban "dồn điền đổi thửa". Sau đó, D2 đã xây dựng dự thảo phương án "dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH và ngày 01/9/2010, S1 ký phương án dự thảo trình Chi bộ, lấy ý kiến nhân dân, nội dung cơ bản của Phương án như sau:

"Căn cứ bản đồ nền do thị trấn cung cấp, ban sổ sách cân đối các khu đồng tương ứng để ghép phiếu cụ thể như sau (đảm bảo mỗi định suất khi dồn ruộng được 1 sào 11 thước).

+ Phiếu số 1: Khu TĐ giữ ổn định theo phiếu và diện tích đã giao cho các hộ trước đây năm 1992 - 1993 và năm 1998 đã điều chỉnh; mỗi định suất 03 thước, sau này gắn vào sổ đỏ, để hằng năm người nhận khoán chi trả phần nhận khoán cho các hộ, phiếu này không phải gắp và không phải chia (*khu đồng này đã cho thuê làm kinh tế VAC nên không chia được*);

+ Phiếu số 2, dự kiến sau này sẽ là đất ở, nếu mà cấp có thẩm quyền phê duyệt, phiếu này dự kiến chia 1,5 thước/ 1 định suất, gồm: Làn 1 quay ra đường nhựa mới mở; khu đồng Chớ để lại thôn thanh lý lấy kinh phí "dồn điền đổi thửa", các công trình khác của địa phương (*khu vực này sau đó thôn bán 10 lô, UBND thị trấn phát hiện, yêu cầu hủy và trả lại tiền cho dân*). Các làn để chia: Khu đồng C có 2 làn quay xuống khu B, có 1 con đường ở giữa rộng 13m, mỗi làn rộng 19m, chiều dài 200m, có 1 làn nằm vào B 102m (không chia); khu BD: 3 làn, mỗi làn 118m, rộng 18m, trong đó có 1 làn quay lên mương, 2 làn quay vào nhau, có 1 làn rộng 13m cả lưu không; khu CH: Cắt 3 làn mỗi làn 175m có đường 5m cắt ngang 3 làn dân cư từ cửa nhà ông Q1 và Chuôm CH xuống đầu sau Chùa, chiều rộng làn trong giáp khu dân cư dọc theo tuyến 284, đầu đằng TK 25m, đầu phía chợ là 20m, 02 làn kế tiếp rộng 19m tuyến này có 2 đường rộng 13m; khu ĐH: Có 2 làn đường ở giữa rộng 13m, chiều dài mỗi làn 101m và làn dưới là 70m quay vào đường từ mương máng đi ĐH, có 1 đoạn 38m quay vào đường to do huyện đã quy hoạch không chia cho định suất, để thôn thanh lý lấy kinh phí phục vụ công tác dồn điền đổi thửa và thiết kế cơ sở hạ tầng. Phiếu này dự kiến chia cho mặt đường,

dự kiến là đất ở, do vậy để phục vụ cho công tác lập quy hoạch và trình duyệt để cấp bìa đỏ cho các hộ. Yêu cầu đặt ra là mỗi lô đảm bảo có chiều rộng bám theo mặt đường quy hoạch là 4,5m trở lên, các hộ có ít định suất phải thống nhất với nhau để ghép vào gắn phiếu hoặc các hộ có trên 4,5m có thể ghép hoặc nhượng lại cho các hộ ít định suất mà khi nhận ruộng không đủ 4,5m trên mặt đường.

+ Phiếu số 3 là phiếu đất % cũ, phiếu này trả cho các gia đình có đất %, trừ các hộ đã vào đất ở 10% và các hộ đã nhận tiền đền bù khi Nhà nước thu hồi để làm Dự án C và khu đô thị mới thuộc đất phần % của hộ đó. Phiếu này chia từ đồng Vũ trong này ra ngoài cột điện 500KV bỏ lại một bạt giáp mương cứng, giáp đường đưa vào quỹ công ích của thôn, sau này giao đấu thầu.

+ Phiếu số 4, phiếu này phục vụ cho các hộ để gieo mạ, chia mỗi định suất 2 thước, phiếu này kế tiếp từ cột điện đồng V 5,5m, làn cao đồng RA gần 4m, RN và R vùng giáp đê đồng R1 2,4m.

+ Phiếu số 5, gồm khu đồng RA = 11m, RB = 17,7m, NA = 19m, NB làn cao 8,4m, đồng R2 11,3m, RN l,3m, sau C 3m, đồng L1 8m, đồng L2 9 sào, đống N 7 sào. Phiếu này chia mỗi định suất 14 thước và các hộ đã nhận tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất làm chợ, đô thị, đường điện và ruộng lâu dài sẽ trừ vào diện tích phiếu này.

+ Phiếu số 6, là phiếu còn lại cuối cùng gồm các khu đồng sau đây: Đồng R3 5m, GC 6m, GA 9,6m, NB suốt 8,4m và 2m ở khu đồng R2, đồng RA giáp chuôm góc đồng R4 phiếu này chia mỗi định suất 5,5 thước.

+ Phần dành cho ưu tiên các hộ gia đình chính sách, gồm các hộ đã được ưu tiên trước đây năm 1992 - 1993 không bàn và không xét thêm. Khu này gồm: Một bạt đồng RA đê ao dài, nếu thiếu đưa ra bạt cao NA chân cột điện các khu còn lại sẽ giao thầu, đồng Lai quy hoạch bãi chôn, đồng Giông quy hoạch bãi rác thải…".

Ngày 08/9/2010, S1 và D2 tổ chức họp Quân – Dân – Chính, dưới sự chủ trì của D2. Tại Hội nghị đã thông qua các quyết định dồn điền của tỉnh, huyện, thị trấn; S1 báo cáo là Chủ tịch (tức ông Đ2) về công tác "dồn điền đổi thửa" các bước chuẩn bị đã tiến hành, thực hiện theo quy định của Nhà nước, S (diện tích) dân cư mới > 3ha (khu đồng C), đề nghị Chi bộ họp ra Nghị quyết trước ngày 15/9 để họp dân.

Ngày 20/9/2010, D2 triệu tập và chủ trì họp Chi bộ ra Nghị quyết chuyên đề về "dồn điền đổi thửa", nội dung: Thông qua phương án, kế hoạch "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH, báo cáo trên sơ đồ các ý kiến: 1 số gia đình có mồ mả ở giữa ruộng nằm trong vùng chuyển đổi cần gương mẫu chuyển vị trí có phương án đền bù nhà anh Đ3 ở ĐS; đường mở hết bao nhiêu, diện tích chuyển đổi bao nhiêu; số tiền trên hỗ trợ khi chuyển đổi; ghi rõ hệ số chuyển đổi trên sơ đồ; ***lên khung giá tiền từng lô,*** công khai việc đánh số thứ tự... Kết luận: Nhất trí với kế hoạch đã được các đồng chí trong ban Tiểu ban giải trình.

Trên cơ sở danh sách Tiểu ban "dồn điền đổi thửa" cơ sở ĐH do S1 ký đề nghị; ngày 24/9/2010, ông Nguyễn Trọng Đ2 - Chủ tịch UBND/Trưởng BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn Thứa ký Quyết định số 80, v/v thành lập Tiểu Ban "dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH, gồm 19 thành viên, trong đó: Nguyễn Văn S1 – Trưởng thôn, làm Trưởng tiểu ban, Nguyễn Văn D2 – Bí thư và Nguyễn Đức N1 – Chủ nhiệm HTX, làm Phó tiểu ban.

Căn cứ cuộc họp các thành viên dự kiến vào Tiểu ban ngày 23/06/2010 và ngày 14/9/2010 trên do S1 triệu tập, thống nhất phân công nhiệm vụ các tổ (còn gọi là các Tiểu ban), như sau:

- Tổ tuyên truyền: Không phân công cụ thể cá nhân nào, việc tuyên truyền là trách nhiệm của Chi bộ, Đảng viên, Ban Quản lý thôn, các ngành, đoàn thể của thôn và thành viên Tiểu ban ĐH. *Nhiệm vụ*: Tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước…về chủ trương "dồn điền đổi thửa", tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong nhân dân và hưởng ứng thực hiện.

- Tổ kẻ vẽ, sổ sách, gồm (7 thành viên): Nguyễn Văn H3 (kế toán); ông L2 (kế toán cũ trước H3, mời tham gia), Nguyễn Đức N1, ông L3, ông H2 (dân cử), ông S2 (dân cử), ông P1. Nhiệm vụ: *Kiểm kê lại định suất, nhân khẩu chia năm 1992 - 1993; tổng hợp số liệu đo đạc thực tế do tổ đo đạc tại thực địa cung cấp; làm phương án ăn chia; các công việc sổ sách có liên quan và thực hiện các công việc khác do trưởng/phó Tiểu Ban giao, phân công.*

- Tổ đo đạc, cắm mô mốc, làm việc ngoài đồng, gồm (8 thành viên): Bà Đ1, ông L1, ông T7, ông X1, ông T8, ông T9, ông D3 và ông S3. *Nhiệm vụ*: Đo đạc hiện trạng thực tế diện tích các xứ đồng; đóng cọc, cắm mô mốc; cung cấp số liệu cho tổ sổ sách; kiểm soát máy đào đắp (theo dõi giờ máy chạy, số lượng xe cát đổ) và thực hiện các công việc khác do trưởng/phó Tiểu ban giao.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Tiểu ban ĐH trả công theo ngày làm việc thực tế; Nguyễn Đức N1 là người theo dõi công đi làm của các thành viên Tiểu ban; thời gian đầu Tiểu ban trả 50.000 đồng/ngày công, sau đó trả 80.000 đồng/ngày công.

Bà Đoàn Thị H4, sinh năm 1952 (cộng tác viên dân số thôn ĐH); anh Dương Văn K1, sinh năm 1982 (thông tin thôn) có trong danh sách Tiểu ban nhưng không tham gia; ông Nguyễn Xuân L2, sinh năm 1948 (kế toán cũ đã chết ngày 20/10/2014 - do bệnh tật), không có trong danh sách đề nghị vào Tiểu ban của thôn tại Quyết định số 80 trên, song được S1 mời tham gia tổ dân cử, hỗ trợ H3 rà soát định suất, tính toán phương án ăn chia cho Tiểu ban; ông T10 không phân công cụ thể công việc do già, sức khỏe yếu.

Cùng ngày 24/09/2010, S1 và D2 tổ chức họp dân, dưới sự chủ trì của S1 và có sự tham dự của Hoàng Văn T6 (Đảng ủy viên phụ trách Chi bộ/thành viên BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn T phụ trách cơ sở thôn ĐH). Tại Hội nghị, D2 thông qua: Quyết định 162; Hướng dẫn 03 của tỉnh; Quyết định số 80 của UBND thị trấn về kiện toàn Tiểu ban "dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH; kế hoạch,

phương án ăn chia của thôn đề ngày 01/09/2010 do D2 dự thảo, được S1 ký: Phiếu 1, táo đôi = 3 t/đs; Phiếu 2, đất ở = 1,5 t/đs; Phiếu 3, trả diện tích 10%; Phiếu 4, đám mạ = 2 t/đs; Phiếu 5 này = 14 t/đs; Phiếu 6 = 5,5 t/đs (thước/định suất).

Để kịp thời giao ruộng cho các hộ nông dân kịp thời vào vụ, Tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH (viết tắt là Tiểu ban ĐH) tiến hành Hợp đồng với các cá nhân đào đắp bờ vùng, bờ thửa quy hoạch, thiết kế lại đồng ruộng;

Ngày 18/10/2010, ông Nguyễn Trọng Đ2 - Chủ tịch/trưởng BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn T, ký Văn bản số 10 ngày 18/10/2010, v/v thông báo lịch duyệt phương án "dồn điền đổi thửa" các cơ sở thôn trên địa bàn.

Ngày 21/10/2010, tại nhà văn hóa thôn ĐH, dưới sự chủ trì của ông Đ2, BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn đã duyệt phương án cơ sở thôn ĐH. Tại buổi duyệt này: Về phía thôn, S1 chủ trì; N1 làm công tác tổ chức hội nghị; D2 báo cáo, trình bày và thuyết trình phương án dự thảo của cơ sở thôn ĐH.

Kết quả duyệt, cơ sở ĐH, giao 4 phiếu ruộng canh tác:

- Phiếu 1: 10% của các hộ xã viên còn bao nhiêu chia trả bấy nhiêu;

- Phiếu 2: đám mạ = 48m2/định suất;

- Phiếu 3: làn trung = 288m2/định suất;

- Phiếu 4: làn chũng = 156m2 định suất;

- Quy hoạch khu đồng C, CH, BD, ĐH (viết tắt là đồng C) với diện tích khoảng **37.740m^2**quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, khu dân cư (khu vực này, sau đó Tiểu ban giao theo định suất, gọi là Phiếu số 5: Phiếu đăng ký đất canh tác trong khu vực dự kiến giãn dân, đánh giá chênh lệch giá trị sử dụng đất bằng tiền và thu tiền chênh lệch của các hộ đăng ký nhận lô đất vị trí đẹp).

- Diện tích để lại giao thầu (đất công ích) khu đồng S:

Tháng 11/2011, khối lượng đào đắp quy hoạch "dồn điền đổi thửa" cơ bản hoàn thành, có thể tiến hành giao ruộng. Tuy nhiên, thôn không có kinh phí chi trả, đồng thời kinh phí Nhà nước hỗ trợ không ứng trước (cấp khi được huyện phê duyệt xong phương án).

Vì vậy, ngày 08/11/2010, D2 tổ chức, chủ trì họp Chi bộ, ra Nghị quyết: Thanh lý một số suất đất bám mặt đường nhựa khu C lấy kinh phí cải tạo đồng ruộng, kiến thiết cơ sở hạ tầng địa phương và giao cho Chính quyền thực hiện; làm giãn dân 4,5m mặt là hẹp, cần nghiên cứu kỹ. Sau đó, tiếp tục thông qua họp Quân – Dân – Chính ngày 10/11/2010, thống nhất bán từ 5 - 10 suất đất để tạo nguồn kinh phí "dồn điền đổi thửa", kiến thiết hạ tầng thôn.

Ngày 12/11/2010, S1 chủ trì họp Tiểu ban, triển khai thực hiện nghị quyết Chi bộ, Quân – Dân - Chính, tiến hành bán đất, lấy kinh phí thực hiện "dồn điền đổi thửa". Tại cuộc họp, S1, kết luận: Triển khai giao ruộng canh tác cho nông dân: Chia đám mạ đầu tiên (*phiếu số 1*), chia 10% thứ 2 (*phiếu số 2*). Thanh lý 10

lô đất tại khu đồng C (giáp trung tâm chợ T), giá sàn 300 triệu đồng, lô 2 mặt tiền 320 triệu đồng. Tạm ứng công thành viên Tiểu ban 50.000đ/công; Ngày 13/11/2010 toàn Tiểu ban đo đạc, cắm cọc lại khu thanh lý + khu giãn dân, giáp khu mương máng 350 triệu đồng/lô (***đánh giá chênh lệch khu giãn dân***). Sau đó, ngày 15/11/2010, S1 chủ trì cùng D2 tổ chức họp xã viên có sự tham dự của Hoàng Văn T6, thư ký (ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962, xã viên), họp thống nhất một số vấn đề liên quan đến công tác "dồn điền đổi thửa". Tại cuộc họp xã viên thống nhất: (1) phiếu giãn dân 02m/1 định suất; (2) các gia đình có mồ mả trong khu vực dự kiến quy hoạch giãn dân chuyển về nghĩa trang cho thuận lợi; (3) bán 10 miếng đất, lấy kinh phí phục vụ "dồn điền đổi thửa" và kiến thiết hạ tầng; giá sàn đẹp: 350 triệu đồng; trung bình: 300 triệu đồng; mặt tiền 4,95m/suất đất.

Ngày 15 và 16/11/2010, thôn ĐH đã cho các cá nhân đặt cọc tiền mua đất, đồng thời tổ chức đấu giá 10 lô đất khu đồng C giáp Trung tâm chợ T cho 07 cá nhân trong, ngoài thôn thu về thôn số tiền 3.257.895.900 đồng.

Ngày 18/11/2010, UBND thị trấn Thứa phát hiện việc cán bộ thôn ĐH bán đất trái phép 10 lô đất như nêu trên đã giao ông Phạm Ngọc H1, cán bộ địa chính, lập biên bản vi phạm với thôn; ngày 19/11/2010, ông Đ2 ra Văn bản số 14, yêu cầu "*Cơ sở thôn ĐH đã bán thanh lý, đấu giá 10 lô đất (khu đồng C giáp chợ Trung tâm huyện), để lấy tiền xây dựng cơ sở hạ tầng là trái thẩm quyền; Yêu cầu cơ sở thôn đình chỉ ngay mọi hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hoàn trả lại tiền đất đã thanh lý, đấu giá, giữ nguyên hiện trạng đất sản xuất nông nghiệp".* Sau khi nhận được Văn bản số 14, cán bộ thôn ĐH hủy hợp đồng, trả lại tiền nhưng các cá nhân không nhận lại, yêu cầu thôn phải đền bù. Do thôn không có tiền để đền bù hợp đồng, nên ngày 22/11/2010, S1 ký báo cáo thị trấn xem xét tạo điều kiện cho thôn để thực hiện "dồn điền đổi thửa", nhưng ông Đ2 không đồng ý và yêu cầu thôn thực hiện nghiêm Văn bản số 14 trên. Sau đó, thôn phải chi trả **24.434.200 đồng** tiền đền hợp đồng cho 07 cá nhân mua 10 lô đất trên.

Ngày 19/11/2010, S1 triệu tập, chủ trì họp Tiểu ban, thông qua một số nội dung giải phóng mặt bằng khu giãn dân, cụ thể: (1) chi trả tiền đền bù chặt cây của ông T11 (cây to 4 cây; cây nhỏ 19 cây), thống nhất hỗ trợ 1 triệu đồng; (2) hỗ trợ di chuyển mồ mả; (3) đền bù ruộng đất: Khu ruộng nhà ông Đ3 làm việc cụ thể; khu ruộng ông H5 đền bù theo giá Nhà nước; tổng số định suất trong thôn: 869 định suất; thống nhất chia 1 định suất = 1,7m; tạm ứng cho công việc đào đắp: 150 triệu đồng; tạm ứng tiền công giám sát: 24.950.000đ…

Do không có nguồn vốn thực hiện "dồn điền đổi thửa", trang trải một số công việc của địa phương, việc thanh lý 10 suất đất UBND thị trấn đình chỉ yêu cầu trả lại tiền nên tại cuộc họp Chi bộ ngày 02/12/2010, D2 đề nghị hướng xử lý: Hướng khởi tát kinh phí để trang trải việc thôn thuê đắp đê bờ dồn điền đổi thửa, trong khu giãn dân có thể thu số tiền chênh lệch giữa các lô đất đẹp và lô đất xấu để lấy tiền xây dựng cơ sở hạ tầng và được Chi bộ ra Nghị quyết thống nhất thực hiện.

Ngày 11/12/2010, S1 triệu tập, chủ trì họp Tiểu ban, đánh giá kết quả giao phiếu số 3, chuẩn bị giao phiếu số 4; thống nhất: Diện tích khu giãn dân đã thanh lý (10 lô đất bán ngày 16/11/2010, UBND thị trấn đình chỉ, yêu cầu trả lại tiền cho dân) đưa vào gắn định suất; mỗi thửa khu dự kiến giãn dân chia 05m mặt đường…

Để triển khai giao định suất (*giao phiếu số 5 - phiếu cuối cùng*), đánh giá chênh lệch giá trị đất bằng tiền và thu tiền khi giao đất canh tác trong khu vực dự kiến giãn dân đồng Chớ. Ngày 23/12/2010 và ngày 01/01/2011, S1 và D2 tổ chức họp dân, dưới sự chủ trì của S1, D2 trình bày các nội dung liên quan, tiếp thu, giải trình các ý kiến thắc mắc của dân. Kết quả 02 cuộc họp đi đến thống nhất thực hiện như sau.

- Đối với việc giao đất canh tác trong khu vực dự kiến giãn dân:

(1). Số lô đất thôn quy hoạch tại 4 sứ đồng, gồm: Đồng C, ĐH, CH, BD (*viết tắt là đồng C*): 365 lô = 36.878m^2 dự kiến đất ở; có sơ đồ, bảng giá tiền kèm theo; phân là 3 hạng đất, xấu (hạng 3), đẹp (hạng 1), trung bình (hạng 2); lô đẹp là lô nộp tiền vào, lô trung bình không mất tiền (lô bốc phiếu), lô xấu là lô được lấy tiền về, cứ 2,5 định suất lao động năm 1992 - 1993 được chia 1 lô đất mặt tiền rộng 05m, dài khoảng 18m; trên sơ đồ đánh màu: Màu cam là lô nộp tiền vào; màu trắng là lô không mất tiền (lô bốc phiếu); màu xanh là lô được lấy tiền về; các hộ trong thôn không đủ định suất được xen ghép với nhau cho đủ lô; có thể mua bán chuyển nhượng cho nhau để đủ lô; chỉ các hộ trong thôn mới được đăng ký nhận đất, úp thầu; ngoài ra không được phép;

(2). Lấy giá sàn là 200.000.000 đồng/lô (giá lô bốc phiếu). Theo kết quả đánh giá có:131 lô nộp tiền vào (màu cam),196 lô bốc phiếu (màu trắng); 47 lô lấy tiền về (màu xanh, *01 lô số 2 để lại do giáp bãi tha ma khu BD không giao*); lô có giá tiền cao nhất là 440 triệu đồng, lô có giá tiền thấp nhất 140 triệu đồng. Tổng giá trị tiền đánh giá đối với 374 lô đất là **85.120.000.000 đồng**.

(3). Nếu lô đất có nhiều hộ đăng ký thực hiện như sau: Đối với các lô hạng 1 có từ 2 hộ cùng đăng ký nhận vào 1 lô, tiến hành bỏ thầu (úp bát) ai trả giá cao nhất được nhận lô; Đối với lô hạng 2 (lô giá sàn), ai bốc được lô nào lấy lô đó; Đối với lô hạng 3, các hộ tự đăng ký, có 02 hộ trở lên cùng nhận lô thì bỏ thầu (úp bát) ai bỏ phiếu lấy tiền về thấp nhất thì trúng lô (số tiền trả cho các lô âm lấy từ tiền thu được của các lô dương).

(4). Tiểu ban niêm yết sơ đồ phân lô khu đồng C, kèm theo bảng đánh giá tiền chênh lệch từng lô cụ thể để các hộ trong thôn tham khảo đăng ký nguyện vọng; lô dương đăng ký chạy tiền 2 ngày, sau ngày thứ 3 là hủy, ai cao thì lấy; bắt đầu từ ngày 02/01/2011 cho các hộ đăng ký; từ ngày 03/01/2011, toàn Tiểu ban trực có trách nhiệm tư vấn, giải thích cho bà con; dự kiến thực hiện trong 1 tuần.

Khi các hộ đến đăng ký, Tiểu ban phát "Giấy đăng ký đất canh tác trong khu vực dự kiến giãn dân", S1 - Trưởng thôn ký tiếp nhận, người đăng ký các hộ ký nhận; sau khi trúng lô đất, S1 có biên bản giao đất.

(5). Số tiền chênh lệch thu được từ các lô dương để phục vụ công việc của địa phương, nhân dân; trích trả làm đất, đường, cho các hộ nhận lô đất âm.

- Việc giải phóng mặt bằng khu vực dự kiến giãn dân (đồng C): Trả cho ông Đ3 con rể bà Đ4 - T12 ở ĐS, 01 lô đồng C, do có ruộng tại khu giãn dân.

Từ ngày 03 đến 09/01/2011, Tiểu ban giao được **350 lô đất** tại khu đồng C, cụ thể, gồm: ***116 lô dương***; ***46 lô âm***; ***188 lô bốc phiếu***.Tổng số tiền thu được là **12.272.256.000 đồng**, trả lại cho các hộ đăng ký nhận, trúng lô đất xấu (lô âm) là 679.520.000đ, số tiền còn lại là **11.592.736.000 đồng.**Việc thu, chi và quản lý số tiền thu được do Nguyễn Văn H3 – Kế toán và Nguyễn Đức N1 – Thủ quỹ thực hiện. Sau khi giao xong đợt 1, Nguyễn Văn D2 nghỉ, bàn giao Bí thư Chi bộ thôn cho Nguyễn Văn Đ5 tiếp nhận từ ngày 07/01/2011 và không tham gia các công việc của thôn ĐH, cũng như của Tiểu ban kể từ thời điểm bàn giao.

Như vậy, khi D2 là Bí thư Chi bộ, với vai trò là Phó Tiểu ban, đã cùng S1 (trưởng thôn/trưởng Tiểu ban) quy hoạch 365 lô đất dự kiến giãn dân tại khu đồng C, giao 350 lô, thu được số tiền chệnh lệch là **12.272.256.00 đồng**.

Ngày 15/01/2011, Tiểu ban họp, dưới sự chủ trì của S1, thông báo kết quả giao đất dự kiến giãn dân đợt 1 (tổng số lô dương đã giao, số tiền thu về, số tiền trả lại các lô âm). Ngày 18/01/2011, S1 và Đ5 tổ chức họp dân, thông báo kết quả giao đất dự kiến giãn dân khu đồng C, bàn tiếp tục chia định suất khu đồng S cho dân.

Ngày 19/01/2011, S1 và Đ5 triệu tập Tiểu ban họp, dưới sự chủ trì của S1, quyết định một số vấn đề: (1) các lô đất dương chưa giao đồng C chia cùng đồng S; (2) chi trả sản TĐ 3 năm vay; (4) trả tiền chạy mồ mả giải phóng mặt bằng khu đồng C; (5) chia tiền cho các loại khẩu: Khẩu định suất, khẩu lao động; các khẩu phát sinh; các khẩu hành chính, thường trú hành chính; khẩu cư trú có mặt trong hộ khẩu vẫn chia; điều tra khẩu con dâu về và về hưu; không có định suất vẫn chia theo khẩu; khẩu có định suất cả khi chết vẫn chia; trường hợp liệt sỹ tính theo khẩu; (6) quyết toán mồ mả cho các hộ…;

Ngày 21/01/2011, dưới sự chủ trì của Đ5, Chi bộ họp ra Nghị quyết: Chi tiền khẩu trong làng trước tết; cho giải quyết tiếp giãn dân khu đồng S, cộng dồn phần còn lại khu đồng C đảm bảo cho dân đúng quy định. Cùng ngày, S1 và Đ5 triệu tập họp Quân – Dân - Chính, dưới sự chủ trì của Đ5, thông báo dự kiến chia tiền cho khẩu trong thôn.

Ngày 23/01/2011, S1 và Đ5 triệu tập họp Quân – Dân - Chính, dưới sự chủ trì của Đ5 bàn về rà soát khẩu, quyết định một số mục chi: Chi tiền khẩu cho dân ăn tết, chi mồ mả, chi quà tết cho bộ phận giúp việc, chi quà cho Quân – Dân - Chính, đền bù do hủy thầu 10 lô đất 1,5% là 15 ngày.

Ngày 13/02/2011, S1 và Đ5 triệu tập họp Quân – Dân – Chính, dưới sự chủ trì của S1, triển khai công tác quy hoạch xây dựng khu dân cư: Tổ chức quy hoạch đo đạc khu đồng S vào kế hoạch giãn dân.

Ngày 15/02/2011, S1 triệu tập họp Tiểu ban, dưới sự chủ trì của Nguyễn Văn Đ5 - Bí thư thôn, bàn bạc quy hoạch, để tiếp tục giao nốt giãn dân đồng S:

Ngày 22/02/2011, Đ5 tổ chức, chủ trì họp Chi bộ, ra Nghị quyết: Xây dựng C tại khu đồng S; triển khai chia giãn dân đồng S và một số lô còn lại của đồng C.

Ngày 24/02/2011, S1 và Đ5 triệu tập họp nhân dân, dưới sự chủ trì của S1, thông qua việc giao đất dự kiến giãn dân đồng Sau; một số lô còn lại của đồng C; xây dựng C đi đến thống nhất: (1) khu vực đồng S Tiểu ban quy hoạch được **64 lô** = 6.290m^2 (01 thẹp - lô số 64); **15 lô** còn lại của đồng C chưa giao đợt 1 và quy hoạch thêm khu bãi tha ma cũ của đồng C 10 lô (đánh số thứ tự tiếp theo của đồng C từ lô số 366 đến lô số 375; tổng số lô đồng C thôn quy hoạch là 375 lô);

Như vậy, tổng số lô đất đồng S và đống C quy hoạch đợt 2 là 89 lô (7.315m^2); giá sàn là 150 triệu đồng/lô;

Ngày 04/03/2011, S1 triệu tập, chủ trì họp Tiểu ban, thống nhất một số nội dung sau: Cho gắp phiếu lô dương; sau khi đăng ký lô dương xong thì cho bốc lô sàn, đăng ký lô âm. Tổng số lô đất giao đợt 2 là 87 lô (870 định suất/87 lô/10 định suất/1 lô), trong đó khu đồng S 63 lô và đồng C 24 lô (lô số 64 đồng S và lô số 02 đồng C - là những lô thẹp để lại chưa giao); chiều cùng ngàytổ chức cho đăng ký.

Cách thức tiến hành giao tại đồng S như giao đợt 1 đồng C, cụ thể: Đánh giá trị tiền theo vị trí, để phân hạng đất: Đẹp - hạng 1, xấu - hạng 3, trung bình - hạng 2, tương ứng với số tiền đến giá trị từng lô đất và lấy giá sàn là 150.000.000 đồng/lô; Sau khi Tiểu ban đánh giá, xác định được: 32 lô đẹp (lô dương); 24 lô hạng 2 (trung bình không phải nộp tiền); 07 lô hạng 3 (xấu, lô được lấy tiền về). Lô đất được đánh giá trị cao nhất là 300 triệu đồng/lô, lô có giá trị tiền thấp nhất 100 triệu đồng/lô. Tổng số tiền đã đánh giá chênh lệch đối với 64 lô quy hoạch đồng Sau là **11.510.000.000 đồng**.

Từ ngày 26/3/2011 đến ngày 29/3/2011, Tiểu ban **đã giao 87 lô**, trong đó: 47 lô dương; 08 lô âm; 32 lô bốc phiếu. Tổng số tiền chênh lệch thu được là **4.689.085.800 đồng**, trả lại cho các hộ đăng ký nhận lô âm là 244.520.000 đồng;

Ngày 08/4/2011, S1 và Đ5 triệu tập họp Quân - Dân - Chính, dưới sự chủ trì của Đ5, thông qua chia tiền theo định suất cho dân là 4.500.000 đồng/định suất, đến ngày 15/04/2011 tiến hành chia cho dân.

Như vậy, khi Nguyễn Văn Đ5 là Bí thư Chi bộ/Phó Tiểu ban, với vai trò thay D2/Phó Tiểu ban, đã cùng S1, trưởng thôn/trưởng Tiểu ban quy hoạch 64 lô đất dự kiến giãn dân tại khu đồng S, giao **87 lô đất**, thu tiền chệnh lệch của các cá nhân, hộ gia đình trong thôn đăng ký nhận đất đẹp, thu về số tiền là **4.689.085.800 đồng**.

Tổng số tiền thu được của 2 đợt giao đất dự kiến giãn dân là **16.961.341.800 đồng** (tương ứng thu tiền chênh lệch 163 lô đất dương của **106 hộ** gia đình, cá nhân có định suất lao động trong thôn) và trả lại cho các hộ nhận lô đất xấu (lô âm) là 924.040.000đ, còn lại **16.037.601.800 đồng.**

Số tiền 16.037.601.800 đồng, S1 và Đ5 trao đổi, thống nhất chi dùng vào các mục sau: Chia khẩu trong thôn ăn tết năm 2011 (3.500.000đ/khẩu); Chia định suất trong thôn (4.500.000đ/định suất x 870 định suất); Chi trả tiền đào đắp bờ vùng, bờ thửa, đổ bê tông nội đồng phục vụ công tác "dồn điền đổi thửa"; Chi bồi dưỡng công thành viên Tiểu ban tham gia "dồn điền đổi thửa"; Chi giải tỏa mộ tại khu vực dự kiến giãn dân khu đồng S, đồng C cho các hộ gia đình trong thôn chạy mộ; Chi sửa chữa nâng cấp đường điện trong thôn; Chi sửa chữa mái Nhà Văn hóa; Chi làm mới 1 ngôi chùa làng; Trả tiền đền bù đất hộ ông H5; Đổ bê tông các đường nội đồng, đường nội bộ trong thôn…và một số khoản chi khác.

Đến tháng 05/2011, việc giao ruộng canh tác, giao đất dự kiến giãn dân của cơ sở thôn ĐH đã xong, công tác "dồn điền đổi thửa" của cơ sở thôn ĐH, chỉ còn phần hoàn thiện hồ sơ, báo cáo cấp trên phê duyệt.

Tháng 09/2012, bầu cử trưởng thôn mới, ông Nguyễn Văn S4, sinh năm 1963 trúng cử trưởng thôn nhiệm kỳ năm 2012 - 2015 thay cho Nguyễn Văn S1, sinh năm 1953. Ngày 04/10/2012, tại Nhà Văn hóa thôn, Nguyễn Văn S1 (1953) bàn giao cho ông S4 (1963) trưởng thôn nhiệm kỳ mới, trong đó:

1. Đất đai: …Diện tích dự kiến giãn dân 11 mẫu 6 sào (đã giao 437 lô đất, khu đồng S còn 1 lô tam giác, khu BD còn 1 lô số 2 (đồng C).

2. Phần kinh tế: Quỹ xây dựng còn: 14.525.745đ; Quỹ điều hành âm: 23.510.321đ; Quỹ tiền mặt âm: 8.984.576đ;

Như vậy, thời điểm bàn giao trưởng thôn khóa mới, số tiền thu chênh lệch được từ giao đất canh tác dự kiến giãn dân, Nguyễn Văn S1 (1953) cùng Ban Quản lý thôn đã chi hết.

Tháng 07/2011, UBND huyện LT có Quyết định về việc thanh tra chuyên đề quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại địa bàn thị trấn thời điểm 2001 - 2010; ngày 24 và ngày 26 tháng 08 năm 2011 đoàn Thanh tra của huyện, cùng thị trấn T đã làm việc với cơ sở thôn ĐH liên quan đến công tác "dồn điền đổi thửa". Tại buổi làm việc thôn ĐH báo cáo như sau: "1. Tổng kinh phí đào đắp dồn điền là 522.377.000 đồng; Thôn đã thanh toán các đơn vị: 200.000.000 đồng (nguồn đi vay của tư nhân); còn nợ lại là 322.377.000 đồng, chờ kinh phí trên cấp; 2. Dự kiến quy hoạch giãn dân tại ĐH, CH, BD diện tích này nằm trong định suất của dân vẫn canh tác; 3. Thôn chưa báo cáo kết quả bằng Văn bản với thị trấn về công tác dồn điền đổi thửa; 4. Trong công tác dồn điền đổi thửa thôn không thu bất cứ nguồn kinh phí nào của dân";

Ngày 28/9/2011, thôn ĐH báo cáo kết quả với Đảng ủy, UBND thị trấn T về công tác "dồn điền đổi thửa", theo tài liệu ghi nhận tại Sổ tay dự họp của ông Đ2/trưởng BCĐ thị trấn không có nội dung thôn ĐH giao đất giãn dân, thu tiền chênh lệch.

Tại Kết luận số 389A ngày 27/10/2011 của UBND huyện LT về công tác thanh tra chuyên đề quản lý đất đai chưa phát hiện vi phạm của cơ sở thôn ĐH

nêu trên; tại buổi làm việc với Thanh tra huyện, UBND thị trấn, cơ sở thôn ĐH đều báo cáo, khẳng định không có việc thu tiền trên.

Ngày 25/12/2011, S1 ký Tờ trình đề nghị Phê duyệt Đề án "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH gửi UBND thị trấn T; UBND huyện; Phòng Tài Nguyên & Môi trường, nội dung đề nghị phê duyệt, cụ thể:

- Năm 1993 - 1998:

+ Tổng số hộ giao ruộng: 347 hộ;

+ Tổng số định suất năm 1993 - 1998: 866.3/6 định suất;

+ Tổng số diện tích giao lâu dài: 617.285m^2;

+ Đất công ích: 52.560m^2;

- Kết quả giao ruộng năm 2010 - 2011:

+ Tổng số hộ gia đình nhận ruộng: 335 hộ;

+ Tổng số hộ ưu tiên: 17 hộ;

+ Tổng số hộ tự nguyện nhận vào 1 khu: 4 hộ;

+ Tổng số định suất năm 2010 - 2011: 870 định suất;

+ Tổng số diện tích giao lâu dài năm 2010 - 2011: 571.760m^2;

+ Diện tích đất đất công ích năm 2010 - 2011: 30.161m^2;

Ngày 27/03/2013; ông Đ2 - Chủ tịch UBND/trưởng BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn T ký Tờ trình v/v đề nghị Phê duyệt Đề án "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH, với nội dung như trên;

Ngày 28/03/2013, tại Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện LT (cơ quan thường trực việc Dồn điền đổi thửa của huyện LT), thành phần gồm: 1. Phòng Tài nguyên & Môi trường: Bà Phạm Thị H6; bà Nguyễn Thị H7; 2. Phòng Công Thương: Ông Đoàn Đắc L4; 3. Phòng Nông nghiệp: Ông Lê Mạnh Q2; 4. Phòng Tài chính: Ông Vũ Trọng Đ6; 5. UBND thị trấn Thứa: Ông Nguyễn Trọng Đ2; ông Hoàng Văn T6 (cán bộ địa chính, phụ trách chỉ đạo công tác dồn điền đổi thửa cơ sở thôn ĐH); 6. Cơ sở thôn Đông Hương: Ông Đ5, ông S1, ông H3. Thông qua kết quả thẩm định phương án "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH.

Ngày 29/3/2013, ông Nguyễn Đăng H8 - Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện LT (Phó ban thường trực ký, BCĐ "dồn điền đổi thửa" huyện; đã chết ngày 09/6/2022), ký Tờ trình số 167 v/v đề nghị Chủ tịch huyện công nhận kết quả "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH.

Ngày 18/7/2013, ông Nguyễn Văn H9 (đã chết ngày 05/7/2017), Phó Chủ tịch UBND huyện LT, ký Quyết định 1366, v/v Công nhận kết quả "dồn điền đổi thửa" thôn ĐH, thị trấn T, kết quả cụ thể:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân giao ruộng: 335 hộ;

2. Số hộ ưu tiên: 17 hộ;

3. Số hộ tự nguyện: 04 hộ;

4. Tổng số định suất: 870 định suất;

5. T/số diện tích giao lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân: 571.760m2;

6. Quỹ đất công ích: 30.161m2;

7. Số thửa ruộng trung bình/hộ: 4 - 5 thửa/hộ;

Như vậy, phần diện tích thôn ĐH quy hoạch **439 lô đất** dự kiến giãn dân, thu tiền chênh lệch đối với 1 số lô đất đẹp (lô dương) tại 2 sứ đồng C và đồng S như nêu trên, lãnh đạo thôn ĐH không đưa vào Phương án giao ruộng, đề nghị huyện Quyết định phê duyệt.

Về cấp kinh phí "dồn điền đổi thửa" sau khi được huyện phê duyệt: Ngày 06/9/2013, ông Đ2, Chủ tịch UBND thị trấn ký Tờ trình số 45 v/v đề nghị quyết toán công trình: Dồn điền đổi thửa thôn ĐH, với số tiền đề nghị là 475.165.000 đồng. Căn cứ Quyết định số 786 ngày 03/04/2014 v/v phân bổ kinh phí dồn điền đổi thửa; Công văn số 228 ngày 28/3/2014 của Sở Tài chính, cơ sở thôn ĐH được duyệt: Kinh phí chuyển đổi là 180.000.000 đồng/60ha; kinh phí hội họp là 24.000.000 đồng/60ha. Tổng số tiền thôn ĐH nhận được để thực hiện công tác "dồn điền đổi thửa" là 204.000.000đ, ông S1 (1963), trưởng thôn đã nhận đủ số tiền trên.

Sau khi nhận kinh phí cấp cho "dồn điền đổi thửa", ông S1 (1963) đã chi dùng như sau: Trả nợ vay: 36.800.000đ (lý do khi nhận trưởng thôn, thôn không có quỹ hoạt động, có đi vay cá nhân, trả lãi; vay 30 triệu đồng thời gian hơn 1 năm, khi lĩnh tiền kinh phí dồn điền đã trả gốc, lãi = 36.800.000đ); Trả cho Công ty MT phí vẽ sơ đồ dồn điền đổi thửa năm 2010 - 2011 (nợ cũ): 30.000.000đ; Ngày 08/01/2015, đổ đường bê tông từ đồng NA sang làng G là 100.000.000đ; Trả tiền làm mương, lạo vét là 24.990.000đ; xây cống đồng V + dải bây 1 số tuyến đường đồng RB là 9.838.000đ… chi hết hết số tiền 204 triệu đồng cho công tác 'Dồn điền đổi thửa" và các hoạt động khác của thôn.

Cuối năm 2014, UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định 878 v/v Phê duyệt Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện LT, giai đoạn 2014 - 2016; Qua rà soát, lập bản đồ phát hiện khu đồng C khi quy chủ hiện tại không phải tên chủ thôn ĐH (do mua đi bán lại), chưa đưa vào phương án "dồn điền đổi thửa". Vì vậy, tổ công tác yêu cầu bổ sung phương án để lập bản đồ theo quy định. Ngày 29/01/2016, ông S4 (1963) trưởng thôn ĐH làm tờ trình cùng danh sách gửi lên thị trấn (*danh sách các hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất tại khu đồng Chớ*). Ngày 02/02/2016 ông Vũ Đình N2 - Chủ tịch UBND thị trấn T (thay ông Đ2 chuyển sang làm Bí thư Đảng ủy) ký Tờ trình số 08 v/v đề nghị Phê duyệt điều chỉnh phương án. Ngày 16/03/2016, ông Nguyễn Hữu T13, Phó Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện ký Tờ trình số 127, đến ngày 07/04/2016 ông Nguyễn Văn H9, Phó Chủ tịch UBND huyện LT ký Quyết định số 562 v/v Phê duyệt điều chỉnh kết quả dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thôn ĐH, thị trấn T, cụ thể như sau:

Theo quyết định 1366/2013 đã được phê duyệt:

+ Tổng số hộ gia đình, cá nhân giao ruộng: 335 hộ;

+ Số hộ ưu tiên: 17

+ Số hộ tự nguyện: 04 hộ;

+ Tổng số định suất: 870 định suất;

+ T/số diện tích giao lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân: 571.760m2;

+ Quỹ đất công ích: 30.161m2;

+ Số thửa ruộng trung bình/hộ: 4 - 5 thửa/hộ;

Nay đề nghị điều chỉnh:

+ Tổng số hộ gia đình cá nhân giao ruộng: 254 hộ;

+ Tổng diện tích giao lâu dài cho các hộ: 38.421.7m^2, tổng số 376 thửa;

+ Tổng số diện tích đất công ích: 4,912.0m^2, tổng số thửa: 14 thửa;

+ Tổng diện tích xin điều chỉnh 43,333.7m^2, tổng số thửa 390 thửa.

Cụ thể ở xứ đồng C như sau: Tổng diện tích 43,333.7m^2:

+ Tổng số hộ gia đình cá nhân giao ruộng: 254 hộ;

+ Tổng diện tích giao lâu dài cho các hộ: 38.421.7m^2, trong đó:

LUC: 38421.7m^2;

NTS: 0m.

+ Tổng số diện tích đất công ích: 4,912.0m^2, trong đó:

LUC: 2875m2;

NTS: 2037.0m2.

Về kinh phí duyệt bổ sung, cơ sở ĐH không đề nghị cấp.

Như vậy, đến năm 2016 toàn bộ diện tích mà thôn ĐH quy hoạch dự kiến giãn dân khu đồng C đã được đưa vào Phương án "dồn điền đổi thửa". Khu đồng S giao 64 lô dự kiến giãn dân là đất giao thầu.

Về hiện trạng khu đất đồng C, đồng S khi thôn đánh giá chênh lệch tiền, thu tiền chênh lệch giao năm 2011 và hiện nay:

- Hiện trạng khi thôn giao đất năm 2011: 2 khu đồng C và đồng S là cánh đồng, các hộ dân vẫn canh tác bình thường, thôn giao đất canh tác trong khu vực dự kiến quy hoạch giãn dân; đến tháng 03/2011 khu đồng C thôn có đổ cát, đất tạo thành một số đường theo quy hoạch dự kiến giãn dân của thôn; hình thức giao đất canh tác (đất nông nghiệp) theo định suất vào trong khu vực dự kiến quy hoạch khu dân cư (giãn dân);

- Hiện nay khu đất giao dự kiến giãn dân (đồng S, đồng C) của thôn ĐH các hộ dân vẫn canh tác, trồng hoa màu; một số bỏ không; đến năm 2018, có một số hộ ra xây dựng công trình đã bị UBND thị trấn T lập biên bản dừng xây dựng, trong đó có con trai của N1 làm lán để xe (bị kỷ luật về đảng). Hiện trạng hiện tại:

+ Khu đồng C lô số 355 có công trình trên đất (khung thép quây tôn), tuy nhiên Cơ quan điều tra đã làm việc, sau đó ông Nguyễn Thiện T14 tự giác tháo dỡ, ngoài ra không có công trình gì khác, khu này vẫn là cánh đồng.

+ Khu đồng S có 05 hộ đã có công trình tạm trên đất: Lô số 01 (hộ ông T15) làm lán kết cấu khung thép, quây tôn để chứa đồ; lô số 2 (hộ ông Q3) làm lán kết cấu khung thép, quây tôn để chứa đồ; lô 13, 14 (hộ ông Đ7) làm lán bán hàng; còn lại có vài lô các hộ đổ cát, đất bằng mặt đường.

Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định và Yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu chứng cứ của Cơ quan điều tra, đã xác định:

(1). Ngày 30/8/2023 Sở Xây dựng ban hành Văn bản số 1515/SXD-QH, xác định: "Sở Xây dựng không tiếp nhận hồ sơ và tham mưu cho UBND tỉnh BN ban hành các Quyết định có liên quan đến việc quy hoạch xây dựng đối với 02 khu đất giãn dân (đồng C, đồng S) của thôn ĐH, thị trấn T. Việc Tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" thôn ĐH tự ý quy hoạch 2 khu giãn dân (khu đồng C, đồng S) và bản vẽ phân lô không được cơ quan có thẩm quyền, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thì các bản vẽ này không có giá trị pháp lý để làm căn cứ tổ chức thực hiện, các thủ tục về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, dự án đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009. Từ giai đoạn năm 2009 - 2011 cho đến nay, Sở Xây dựng không tiếp nhận hồ sơ và không tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản quyết định liên quan đến việc quy hoạch xây dựng đối với 2 khu đất giãn dân của thôn ĐH trên. Trên cơ sở sơ bản đồ phân lô chia giãn dân (khu đồng C, đồng S) do Cơ quan điều tra gửi kèm theo và đối chiếu với bản đồ địa chính thị trấn T. Sở Xây dựng xác định sơ bộ vị trí, ranh giới 02 khu đất trên bản vẽ Sơ đồ định hướng phát triển không gian trong Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn T, huyện LT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 04/12/2014…Sở Xây dựng cung cấp thông tin quy hoạch như sau:

- Theo Quy hoạch chung thị trấn T đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 12/01/2006. Các chức năng quy hoạch nằm trong phạm vi ranh giới 02 khu đất này bao gồm: Đất ở đô thị; đất dự trữ phát triển và đất giao thông;

- Theo Đồ án quy hoạch chung thị trấn T đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 04/12/2014. Các chức năng quy hoạch nằm trong phạm vi ranh giới 2 khu đất bao gồm: Đất ở cũ cải tạo; đất công viên cây xanh, thể dục thể thao; đất giao thông quy hoạch; đất công cộng; đất dự trữ phát triển và đất ở mới đô thị;

- Theo Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn T đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 21/12/2018. Các chức năng quy hoạch nằm trong phạm vi ranh giới 2 khu đất bao gồm: Đất ở cũ cải tạo; đất công viên, cây xanh, thể dục thể thao; đất

giao thông quy hoạch; đất công cộng; đất dự trữ phát triển và đất ở mới đô thị (giữ nguyên theo Quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 04/12/2014).

- Theo Đồ án xây dựng vùng huyện LT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 03/03/2020: Phạm vi ranh giới 2 khu đất nằm trong vùng phát triển đô thị, nông thôn đô thị hóa hiện trạng và Vùng phát triển nông thôn mới.

(2). Ngày 31/8/2023, Sở VH,TT&DL tỉnh có Văn bản Phúc đáp số 1158, cung cấp: "Chùa ĐH (LQ tự) thôn ĐH chưa được Nhà nước xếp hạng di tích. Hiện nay, chùa ĐH nằm trong Danh mục kiểm kê di tích của tỉnh BN theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh BN về phê duyệt, công bố Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh BN. Căn cứ khoản 2 điều 4 Luật di sản văn hóa năm 2001 Chùa ĐH (LQ tự) thôn ĐH là di sản văn hóa thuộc loại hình di sản vật thể. Tiêu chuẩn định mức chi cho việc trùng tu, xây dựng các công trình di tích lịch sử - văn hóa chưa được quy định trong các văn bản pháp luật về lĩnh vực văn hóa hiện hành. Trình tự thủ tục cho việc trùng tu, xây dựng các đối tượng nằm trong Danh mục kiểm kê di tích được thực hiện theo điều 19, 20 Thông tư 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL".

(3). Ngày 29/8/2023, Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ có Văn bản phúc đáp số 87, cung cấp: "Ban Tôn giáo từ trước đến nay không tiếp nhận, xử lý hồ sơ xin cấp phép xây dựng chùa ĐH cũng như các công trình tín ngưỡng khác của thôn ĐH".

(4). Ngày 09/8/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Văn bản số 52/STNMT-QLĐĐ,ĐĐ&BĐ, xác định: "Việc Tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" thôn ĐH tự ý giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là vi phạm thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 điều 37 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 điều 59 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 điều 15 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ...".

(5). Ngày 06/6/2023, UBND huyện LT có Văn bản số 628/UBND-TNMT, xác định:

- *Về quy hoạch xây dựng*: Giai đoạn năm 2009 - 2011, không có quy hoạch chi tiết xây dựng tại khu đồng C, đồng S;

- *Về quy hoạch sử dụng đất*:

+ Theo QĐ 1963/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh BN về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thị trấn T đến năm 2015, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) và bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2015 thị trấn T: *Khu đồng S được quy hoạch là đất ở*; *Khu đồng C: 1 phần được quy hoạch là đất ở, 1 phần thể hiện đất trồng lúa*;

+ Theo Quyết định 172/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 của UBND tỉnh BN về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện LT và bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn

2011 - 2020 huyện LT: *Khu đồng S thể hiện một phần đất ở, một phần đất nuôi trồng thủy sản; Khu đồng C: 1 phần được quy hoạch là đất ở, 1 phần thể hiện đất trồng lúa*;

+ Theo Quyết định 278/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh BN về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện LT và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện LT: *Khu đồng S thể hiện một phần đất ở, một phần đất nuôi trồng thủy sản; Khu đồng C: 1 phần quy hoạch là đất ở, 1 phần thể hiện đất lúa;*

+ Theo Quyết định 223/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh BN về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ năm 2021-2030 của huyện LT và bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện LT, BN: *Khu đồng C và khu đồng S quy hoạch là đất ở.*

- *Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Theo khoản 3, 4 điều 23 Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định như sau: "3. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2014 không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 điều 20 Nghị định này;

Theo khoản 2 Điều 18 Thông tư 02 ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định như sau: "5. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp được giao đất không đúng thẩm quyền từ ngày 01/07/2004 đến trước ngày 01/07/2014 theo quy định tại điều 23 Nghị định số 43 năm 2014 của Chính phủ được thực hiện như sau: **a**. Làm rõ và xử lý trách nhiệm đối với người giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; **b**. Xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể và chỉ cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết về xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; trường hợp giao đất làm nhà ở thì cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân không có đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn mới có đất ở được giao không đúng thẩm quyền.

Căn cứ quy định trên thì 439 lô đất thôn ĐH giao trái thẩm quyền thời điểm đầu năm 2011 chưa đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận là đất ở.

(6). Ngày 27/11/2023, Phòng Tài chính huyện LT có Văn bản số 458 phúc đáp, cụ thể: …Trong giai đoạn năm 2010, 2011, 2012 Phòng Tài chính chưa nhận được hồ sơ các Dự án của thôn ĐH xây dựng công trình phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, dân sinh, cộng đồng…đề nghị cấp có thẩm quyền thanh quyết toán; các công trình sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng thôn ĐH, xây dựng Trạm bơm

phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa nằm trong danh mục hỗ trợ của tỉnh cho công trình hạ tầng nông thôn nên chưa có cơ sở xác định định mức chi ngân sách nhà nước; về định mức chi xây dựng mới chùa L: Trong những năm qua tỉnh BN chỉ có cơ chế hỗ trợ tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các di tích đình, chùa (cấp quốc gia, cấp tỉnh), chưa có văn bản nào ban hành định mức chi xây mới chùa, đình. Vì vậy, chưa có căn cứ để xác định định mức chi xây mới chùa LQ Tự…

(7). Ngày 18/05/2023, UBND thị trấn T có Văn bản số 42 phúc đáp như sau: " Số tiền 16.961.341.800đ tiểu ban Dồn điền đổi thửa thôn ĐH tự ý thu, chi tiền, không nộp tiền về UBND thị trấn T, chi không qua tài khoản của UBND thị trấn quản lý tại kho bạc nhà nước huyện LT; UBND thị trấn T đã cấp, thanh toán 204.000.000đ từ nguồn ngân sách nhà nước cho thôn ĐH kinh phí phục vụ công tác Dồn điền đổi thửa; Tại thời điểm năm 2010 - 2011 thôn ĐH có xây dựng một số công trình phục vụ dân sinh, tâm linh: Xây dựng mới một ngôi chùa làng; Đổ đường bê tông trong thôn và ngoài đồng phục vụ dân sinh; Sửa chữa nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng đèn đường của thôn; Xây mới nhà trạm bơm phục vụ công tác sản xuất nông nghiệp. Các công trình phúc lợi trên thôn ĐH làm chủ đầu tư. Vốn thực hiện các công trình trên được sử dụng từ nguồn kinh phí dồn điền đổi thửa thôn ĐH đã thu".

(8). Ngày 26/102023, Giám định viên tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Tài chính tỉnh BN, kết luận:"…các quy định về quản lý ngân sách nhà nước tại thời điểm vụ việc: Điều 5, 6, 72 Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Điều 15 Quyết định số 100/2006/QĐ-UBND ngày 15/08/2006 của UBND tỉnh BN về việc ban hành quy định phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương thuộc tỉnh BN thời kỳ năm 2007 - 2010; Căn cứ vào các quy định trên thì việc thôn ĐH thu số tiền 16.961.341,800đ, đã tự chi mà không nộp ngân sách nhà nước là vi phạm quy định của Luật ngân sách nhà nước. .."

(9). Tại Kết luận giám định tài liệu số 1383/KL-KTHS ngày 06/06/2024 của Phòng KTHS Công an tỉnh BN, kết luận:

"Chữ ký dưới mục "Trưởng thôn" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Văn S1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Kế toán trưởng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký của Nguyễn Văn H3 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký của Nguyễn Đức N1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "T/M CƠ SỞ Trưởng thôn" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký của Nguyễn Văn S1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký của Nguyễn Văn S1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Kế toán trưởng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký của Nguyễn Văn H3 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người ký ra.

Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký của Nguyễn Đức N1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là do cùng một người ký ra."

Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và vật chứng vụ án.

+ Tạm giữ của Nguyễn Văn D2: 01 quyển sổ tay "Soạn thảo Nghị quyết Chi bộ", góc trên bên trái bìa có lo go "Hải Tiến", gồm 53 tờ có chữ viết tay của D2, thời gian ghi từ ngày 11/03/2010 đến 07/01/2011; 01 quyển sổ tay "sổ dự họp", góc trên bên trái bìa có lo go "Hải Tiến", gồm 84 tờ có chữ viết tay của D2, thời gian ghi từ ngày 09/12/2009 đến 20/01/2011.

+ Tạm giữ của Nguyễn Văn Đ5: 01 quyển sổ tay "Soạn thảo Nghị quyết Chi bộ", góc trên bên trái bìa có chữ "The White Queen", gồm 178 trang có chữ viết tay của bị can Đ5, thời gian ghi từ 07/01/2011 đến 27/12/2011.

+ Tạm giữ của Nguyễn Đức N1: 01 quyển sổ bìa có chữ "Notebook", có 21 tờ chữ viết tay của N1, ghi: Danh sách các hộ đăng ký lô ngày 03/01/2011; thu tiền đặt ngày 04/01/2011; thu tiền đăng ký lô ngày 05, 06/01/2011… ; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang, bìa có chữ "Quê Hương", ghi "Nhật ký xây dựng chùa ĐH năm 2011", có 17 tờ; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang, bìa có chữ Hải Tiến, ghi: Phần Thu năm 2010, 2011, có 9 tờ; 01 quyển sổ dòng kẻ ngang bìa có số mã 3330, có 37 tờ có chữ viết tay của N1, Ghi: Tổng hợp công đức thu - chi Chùa năm 2011 - 2012; tổng phần chu phần xây dựng Chùa; tổng hợp thu quỹ điều hành thôn; 01 quyển sổ tay "Theo dõi chi Hợp tác xã năm 2010, 2011" góc trên bên trái bìa có lo go "Hải Tiến", có 41 tờ; 01 quyển sổ tay dòng kẻ ngang có chữ "Campus", có 41 tờ; Ghi: Chi Tang lễ dịch phu năm 2012;

+ Tạm giữ của Hoàng Văn T6: 01 quyển sổ tay bìa cứng màu nâu có chữ "Hội đồng nhân dân thị trấn T khóa XIX nhiệm kỳ 2016 - 2021", có 38 tờ chữ viết tay của T6, ghi từ ngày 17/4/2017 đến 21/6/2019; 01 quyển sổ tay bìa cứng màu đen, có chữ "A4", có 26 tờ; 01 quyển sổ tay bìa cứng màu đen, có 178 trang viết tay của T6, ghi từ ngày 11/6/2010 đến ngày 07/12/2017; 01 quyển sổ tay, bìa cứng mà xanh có chữ " Sổ tay người đại biểu nhân dân", có 65 trang, ghi từ 05/2/2015 đến 29/6/2017; 01 quyển sổ tay bìa cứng màu đen có chữ "Business", có 160 trang, ghi từ 30/9/2006 đến 08/01/2015.

+ Hoàng Văn T6 tự nguyện giao nộp số tiền gia đình được chia năm 2011 là 46.785.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Đức T15 (là con trai của N1) tự nguyện nộp lại số tiền gia đình được chia năm 2011 là 50.236.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 (là vợ của S1) tự nguyện nộp lại số tiền gia đình được chia năm 2011 là 51. 950.500 đồng

+ Anh Nguyễn Văn D4, sinh năm 1991 (là con trai D2) tự nguyện nộp 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

+ Bà Phạm Thị G2 (là vợ của H3) tự nguyện nộp lại số tiền gia đình được chia năm 2011 là 20.000.000 đồng và 50.200.000 đồng tại cục thi hành án tỉnh BN ngày 17/7/2024.

+ Anh Nguyễn Văn Đ8, sinh năm 1977 (là con của Đ5) tự nguyện nộp số tiền gia đình được chia năm 2011 là 61.179.000 đồng.

+ Tạm giữ của ông Nguyễn Trọng Đ2: 01 quyển sổ tay bìa cứng màu đen có ghi chữ "Viễn thông BN", có 196 trang; 01 quyển sổ bìa cứng màu nâu góc trên bên phải có chữ "Business" màu vàng, có 240 trang.

+ Thanh tra UBND huyện LT chuyển cho Cơ quan điều tra: Sổ gốc ghi Nghị quyết Chi bộ ĐH, nhiệm kỳ 2008 - 2010 (quyển 1); Sổ gốc ghi Nghị quyết Chi bộ ĐH, nhiệm kỳ 2011 - 2013 (quyền 2); Sổ gốc ghi N/quyết Quân - Dân - Chính từ 17/12/2008 - 18/5/2010 (Quyển 5); Sổ gốc ghi N/quyết Quân - Dân - Chính từ 07/06/2010 - 14/4/2011 (Quyển 2); Sổ gốc ghi N/quyết Quân - Dân - Chính từ 22/4/2011 - 29/10/2013 (Quyển 3); Sổ gốc theo dõi xây dựng Chùa ĐH, có 137 tờ có chữ viết tay; Sổ gốc ghi chép chi các loại tiền: Chuyển mộ; đất âm; TĐ... có 63 tờ có chữ viết tay; Sổ gốc theo dõi (giao đất dự kiến giãn dân) cho các hộ đăng ký đất, nhận tiền đặt cọc, chi trả tiền cho các hộ không trúng… , có 38 tờ có chữ viết tay;

+ Các thành viên Tiểu ban "dồn điền đổi thửa" cơ sở ĐH tự nguyện giao nộp lại số tiền được thôn chia năm 2011, có nguồn gốc thu tiền chênh lệch khi giao đất dự kiến giãn dân đồng C, đồng Sau năm 2011, cụ thể: ông Nguyễn Đức S3 56.991.000 đồng; Nguyễn Trung T9 49.074.500 đồng; Nguyễn Văn T8 61.450.000 đồng; Nguyễn Duy L3 42.453.120 đồng; Dương Quốc P1 34.128.000 đồng; Nguyễn Đức S2 35.000.000đ; Nguyễn Đức X1 18.000.000 đồng; Nguyễn Văn D3 28.000.000 đồng; Nguyễn Văn T7 30.000.000 đồng; Nguyễn Tiến L1 20.000.000đ; Dương Văn K1 16.450.000 đồng; ông Nguyễn Văn T7 giao nộp 01 quyển sổ tay dòng kẻ ngang có 60 trang chữ viết tay, bìa có chữ "Notebook".

+ Các hộ dân thôn ĐH gồm: bà Nguyễn Thị S5, sinh năm 1958, trú tại số 130, đường VG, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN nộp 3.000.000 đồng; ông Đoàn Hữu D5, sinh năm 1962, trú tại ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN nộp 37.642.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm việc với 106 hộ gia đình, cá nhân đã nộp tiền chênh lệch cho thôn ĐH đăng ký nhận 163 lô đất canh tác vào trong

khu vực dự kiến giãn dân đồng C và đồng S với tổng số tiền là16.961.341.800 đồng đều đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, hợp pháp hóa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở; ngoài ra không có đề nghị gì khác.

Ngoài 163 lô dương (lô các hộ dân nhận đất phải nộp tiền chênh lệch cho thôn); còn lại 274 lô bốc phiếu, lô lấy tiền về (cả đồng C, đồng S) thôn đã giao năm 2011 dự kiến giãn dân: Có một số hộ sau khi nhận vẫn canh tác cho đến nay; có một số hộ sau khi nhận đất mua đi, bán lại cho nhau trong và ngoài thôn bằng giấy viết tay hoặc thỏa thuận miệng; có hộ mua bán định suất lao động được giao đất canh tác vào trong khu vực dự giãn dân với nhau (tính theo giá sàn của thôn đề ra, cụ thể: 1 định suất lao động tại đồng C là 80.000.000đ; 1 định suất lao động tại đồng S là 15.000.000đ). Cơ quan điều tra đã ra Thông báo rộng rãi, đề nghị các cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến Cơ quan điều tra khai báo và đã giải thích cho họ quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn Đ5, Nguyễn Đức N1, Nguyễn Văn H3 và Hoàng Văn T6 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BN quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s, o, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn S1 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết do bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2024, bị cáo Nguyễn Văn S1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Các ngày 11/12/2024, 18/12/2024, bị hại là bà Nguyễn Thị V1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan là bà Trần Thị G1 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân; bỏ lọt tội phạm đối với ông Nguyễn Trọng Đ2, ông Phạm Ngọc H1; buộc các bị cáo trả tiền cho những người dân.

Ngày 19/12/2024, người đại diện theo ủy quyền của các bị hại ông Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Tại Quyết định số 12/2025/HSPT-QĐ ngày 24/01/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của ông Nguyễn Văn T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Văn S1 có đơn xin rút kháng cáo.

Bị hại bà Nguyễn Thị V1, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan bà Trần Thị G1 và những người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, xem xét việc bỏ lọt tội phạm đối với ông Nguyễn Trọng Đ2, ông Phạm Ngọc H1, buộc các bị cáo trả tiền cho những người dân và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S1, bác kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2010 đến năm 2011, trong quá trình thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa theo Quyết định số 162/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh BN về việc phê duyệt Đề án "Dồn điền, đổi thửa" trên địa bàn tỉnh BN giai đoạn 2009 - 2011; Hướng dẫn số 03/HD-BCĐ ngày 03/11/2009 của Ban chỉ đạo "Dồn điền, đổi thửa" tỉnh BN về hướng dẫn thực hiện "Dồn điền, đổi thửa" đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009 - 2011 và Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18/8/2010 của UBND huyện LT về thực hiện công tác "Dồn điền, đổi thửa" trên địa bàn huyện LT, lãnh đạo cơ sở thôn ĐH và Tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" thôn ĐH, thị trấn T, huyện LT, tỉnh BN gồm Nguyễn Văn S1 - Trưởng thôn, Trưởng tiểu ban; Nguyễn Văn D2 - Bí thư chi bộ, Phó tiểu ban (từ 2009 đến tháng 02/2011), Nguyễn Văn Đ5 - Bí thư chi bộ, Phó tiểu ban (từ ngày 01/01/2011 đến 2013); Nguyễn Đức N1 - Chủ nhiệm HTX, Phó tiểu ban và Nguyễn Văn H3 - Kế toán đã lợi dụng chủ trương "Dồn điền đổi thửa" của cấp có thẩm quyền, thông qua chi bộ, hội nghị quân dân chính, hội nghị xã viên đã tự ý vẽ sơ đồ dự kiến phân lô, chia đất khu giãn dân tại xứ đồng S, đồng C và thu tiền chênh lệch theo phương án tự xây dựng. Cụ thể: khu đồng C 375 lô, khu đồng S 64 lô theo hình thức ghép định suất chia ruộng năm 1992, cứ 2,5 định suất được 01 lô đất diện tích 100m^2 khu đồng C; 10 định suất/lô, diện tích 90m^2 khu đồng S; thu được của 106 hộ dân tổng số tiền là 16.961.341.800 đồng, toàn bộ số tiền này thôn đã sử dụng vào xây dựng các công trình ở địa phương, chia tiền tết cho các hộ dân…Theo kết luận của Cơ quan chuyên môn cho đến nay 439 lô đất trên không đủ điều kiện để được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã gây thiệt hại cho 106 hộ dân số tiền là 16.961.341.800 đồng. Do vậy các bị cáo S1, Đ5, N1, H3 cũng phải chịu trách nhiệm liên quan đến toàn bộ số tiền thiệt hại này. Riêng bị cáo D2 chỉ chịu trách nhiệm liên quan đến việc giao 350 lô đất, tương ứng với số tiền thu được là 12.272.256.00 đồng.

Hoàng Văn T6 là cán bộ tài chính, kế toán của thị trấn T được phân công giao phụ trách công tác "dồn điền đổi thửa" cơ sở thôn ĐH và Chi bộ ĐH trong công tác lãnh đạo thực hiện "dồn điền đổi thửa" theo tinh thần Đề án 162 của UBND tỉnh. T6 cùng lãnh đạo cơ sở thôn ĐH và Tiểu ban "Dồn điền đổi thửa" thôn ĐH họp bàn và thống nhất việc phân lô, chia đất và thu tiền chênh lệch 439 lô đất. Do vậy Hoàng Văn T6 cũng phải chịu trách nhiệm cùng các bị cáo S1, Đ5, N1, H3 liên quan đến số tiền thiệt hại của 106 hộ dân là 16.961.341.800 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S1 rút đơn kháng cáo. Vì vậy, cần chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bị cáo S1 và đề nghị của đại điện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo S1.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khẳng định không đề nghị Tòa án xem xét tội danh và hình phạt của các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về phần trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về việc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Nguyễn Trọng Đ2 và ông Phạm Ngọc H1, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1]. Đối với ông Nguyễn Trọng Đ2, Chủ tịch UBND thị trấn T; thành viên của Ban chỉ đạo "Dồn điền đổi thửa" huyện; trưởng Ban chỉ đạo "Dồn điền đổi thửa" thị trấn T. Chiều ngày 21/10/2010, dưới sự chủ trì của Đ2, Ban chỉ đạo "Dồn điền đổi thửa" thị trấn đã duyệt phương án cơ sở ĐH. Trong đó có quyết định diện tích để lại giao thầu (đất công ích): *Đồng S... và quy hoạch khu đồng C để quy hoạch phát triển kinh tế xã hội*, *sau đó Tiểu ban giao theo định suất, gọi là Phiếu số 5: Phiếu đăng ký đất canh tác trong khu vực dự kiến giãn dân, đánh giá chênh lệch giá trị sử dụng đất bằng tiền và thu tiền chênh lệch của các hộ đăng ký nhận lô đất vị trí đẹp*. Từ việc phê duyệt phương án, với trách nhiệm là người đứng đầu, trưởng Ban chỉ đạo "Dồn điền đổi thửa", ông Đ2 không kiểm tra, chỉ đạo cấp dưới, buông lỏng quản lý dẫn tới cấp dưới làm sai các quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho nhân dân số tiền 16.961.341.000 đồng. Ngoài ra theo lời khai của bị cáo S1 và bị cáo T6, hai bị cáo có báo cáo bằng miệng với ông Đ2 khi triển khai việc đất canh tác vào khu vực quy hoạch dự kiến giãn dân của thôn ĐH. Nhận thấy hành vi của ông Đ2 có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Do vậy ngày 28/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh BN đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 03/2024/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN để điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của Nguyễn Trọng Đ2 có đủ

yếu tố cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" hay không?

Ngày 28/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN có Công văn số 487/CV-VKS-P1 về việc chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xét xử theo thẩm quyền. Nội dung công văn xác định: Đối với ông Nguyễn Trọng Đ2, từ tháng 08/2005 đến tháng 06/2010 là Bí thư Đảng ủy, từ tháng 07/2010 đến tháng 05/2015 là Chủ tịch UBND thị trấn T/thành viên BCĐ "dồn điền đổi thửa" huyện LT/trưởng BCĐ "dồn điền đổi thửa" thị trấn T. Đến nay, chỉ có lời khai của Nguyễn Văn S1 và Hoàng Văn T6 khai có báo cáo bằng miệng với ông Đ2 khi triển khai việc đánh giá tiền chênh lệch giữa các lô đất bằng tiền và thu tiền chênh lệch này khi giao đất canh tác vào khu vực quy hoạch dự kiến giãn dân của thôn ĐH nhưng không nói cụ thể đánh giá như thế nào, cách thức thực hiện, dự kiến thu được bao nhiêu tiền; việc đánh giá chênh lệch, thu tiền giao đất dự kiến giãn dân do tự thôn nảy sinh tự bàn bạc, thực hiện; Đảng ủy, UBND thị trấn T không có bất cứ chỉ đạo gì cho phép thôn thực hiện và thôn ĐH phân lô, giao đất trên giấy tờ, không phải ngoài thực địa nên ông Đ2 không biết. Ngoài lời khai của S1 và T6, không có bất cứ tài liệu, chứng cứ khác chứng minh ông Đ2 biết hoặc được báo cáo việc thôn ĐH thu tiền chênh lệch giao thầu đất, mặt khác ông Đ2 cũng có văn bản yêu cầu thôn ĐH đình chỉ ngay mọi hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất, hoàn trả lại tiền đất đã thanh lý 10 lô đất. Ngoài ra, theo Hướng dẫn 03 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án 162, quá trình "dồn điền đổi thửa" cần tập trung bổ sung quy hoạch hoặc xây dựng mới các quy hoạch đối với từng đơn vị xã, thôn: Quy hoạch sản xuất nông nghiệp; *quy hoạch xây dựng công trình công cộng, đất ở, khu dân cư*… Như vậy, việc thôn ĐH đề nghị quy hoạch khu đồng C đất phát triển kinh tế xã hội và được thị trấn (ông Đ2) đồng ý không trái với Hướng dẫn của UBND tỉnh. Với các chứng cứ trên chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với ông Đ2, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

- Đối với ông Phạm Ngọc H1 (nguyên cán bộ địa chính từ năm 2000 đến tháng 11/2011); phó Ban "dồn điền đổi thửa" thị trấn T giai đoạn năm 2009 - 2011. Ông H1 chuyển công tác khác khi công việc "dồn điền đổi thửa" tại địa bàn thị trấn T chưa hoàn thành và bàn giao lại cho Hoàng Văn T6. Khi thôn ĐH thu tiền chênh lệch giao đất dự kiến giãn dân không báo cáo, trao đổi gì với ông H1.

Căn cứ vào Công văn nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Trường hợp bà Nguyễn Thị V1 và bà Trần Thị G1 có chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Trọng Đ2 và ông Phạm Ngọc H1 có dấu hiệu vi phạm pháp luật có quyền tiếp tục chuyển đơn tới cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, thấy:

Đối với việc các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, hợp pháp hóa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với các lô đất đã mua của thôn ĐH. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo kết luận của Cơ quan chuyên môn, 439 lô đất mà thôn ĐH giao trái thẩm quyền thời điểm đầu năm 2011 chưa đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở. Mặt khác, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không có căn cứ chấp nhận.

Với nhận xét nêu trên, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy, cần cấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BN.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị G1 và bà Nguyễn Thị V1 là người cao tuổi và là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí;

1. Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S1. Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2024/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh BN về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S1 có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị G1 về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vấn đề bỏ lọt tội phạm.

3. Về án phí: Bà Trần Thị G1 và bà Nguyễn Thị V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại HN;
- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- Công an tỉnh BN;
- Cục THADS tỉnh BN;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người TGTT (theo địa chỉ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS; HCTP.

Nguyễn Văn Cường